

Bản án số: **184/2026/DS-ST**
Ngày: 02/7/2026
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Lường

Bà Lê Thị Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Phương Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2025/TLST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2026/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 3 năm 2026; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 110/TB-TA ngày 02 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự.

Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 07/3/1971;

Số căn cước công dân: 082171008685;

Địa chỉ: số 128, Ô, khu phố 2, phường M, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Quang N, sinh năm 1956 (văn bản ủy quyền số công chứng 4897/2025/CCGD ngày 01 tháng 10 năm 2025) (có mặt);

Số căn cước công dân: 082056008124;

Địa chỉ: số 461C, tổ 23, ấp 4, xã C, tỉnh Đ.

Bị đơn:

Anh Trần Hoài T, sinh ngày 19/5/1991 (vắng mặt);

Số căn cước công dân: 082091011748;

Địa chỉ: tổ 11, ấp H, xã C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đại diện theo ủy quyền ông Bùi Quang Nhuận trình bày:

Do quen biết trước đó nên ngày 14/8/2017 bà Nguyễn Thị Thu H có cho anh Trần Hoài T vay số tiền 900.000.000 đồng, mục đích để đáo nợ ngân hàng, anh T có viết biên nhận vay tiền ngày 14/8/2017, thời hạn vay thì hai bên thỏa thuận 01 tháng sẽ trả lại số tiền trên cho bà H, lãi suất thỏa thuận miệng là 1,66%/tháng.

Bà H và anh T có chốt lại thời gian trả nợ là ngày 04/01/2023, nhưng cho đến nay thì anh T vẫn chưa trả số tiền nợ cho bà H xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà H.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh Trần Hoài T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền vốn vay 900.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 04/02/2023 đến ngày 04/6/2026 với mức lãi suất 0,83 %/tháng là $900.000.000 \text{ đồng} \times 0,83 \%/\text{tháng} \times 40 \text{ tháng} = 298.800.000 \text{ đồng}$.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Hoài T đã được Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không có văn bản gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến và đề nghị:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 68, 79, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự, đề nghị xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Hoài T trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H số tiền vốn vay 900.000.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn nhưng cần điều chỉnh lại thời gian trả lãi tính từ ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đối với bị đơn anh Trần Hoài T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11, ấp H, xã C, tỉnh Đ căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, phía nguyên đơn xác định có cho bị đơn vay số tiền 900.000.000 đồng, nguyên đơn cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là bản chính biên nhận đề ngày 14/8/2017 và giấy mượn nợ đề ngày 14/8/2017.

[3.2] Bị đơn anh Trần Hoài T vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án giải quyết. Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa; thông báo số 118/TB-TA đề ngày 20 tháng 5 năm 2026 về việc giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ và Thông báo số 01/TB-TA ngày 25 tháng 5 năm 2025 gửi cho bị đơn anh T với nội dung thông báo cho anh T biết để chứng minh chữ viết trong giấy mượn nợ đề ngày 14/8/2017 và biên nhận đề ngày 14/8/2017 có phải chữ viết và chữ ký của anh T không và anh có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định nhưng anh T không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của anh T trong giấy mượn nợ và biên nhận đề ngày 14/8/2017 và không có văn bản ý kiến gì gửi cho Tòa án. Hơn nữa, vào ngày 08 tháng 5 năm 2026 Tòa án có đến nh anh T để tiến hành xác minh về việc anh T có vay tiền của nguyên đơn hay không nhưng khi Tòa án đến nhà của anh T thì không gặp được anh T do anh T không có ở nhà. Cho thấy, phía bị đơn đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn có nghĩa vụ trả, nhưng bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay không, điều này cũng đồng nghĩa là bị đơn đã thừa nhận số tiền còn nợ mà nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nên bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ của nguyên đơn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

[4] Về thời hạn trả nợ: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền nợ. Bị đơn vắng mặt không có ý kiến gì. Do nguyên đơn và bị đơn không thống nhất thời gian trả số tiền nợ. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền còn nợ là do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[5] Về lãi suất: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả của số tiền vốn vay 900.000.000 đồng tính từ ngày 04/02/2023 đến ngày xét xử làm tròn tháng là ngày 04/6/2026 với số tiền là $0.83\%/tháng \times 900.000.000 \text{ đồng} \times 40 \text{ tháng} = 298.800.000 \text{ đồng}$. Xét, biên nhận đề ngày 14/8/2017 không thể hiện thời gian trả nợ, còn giấy mượn nợ đề ngày 14/8/2017 thì không có chữ ký của bị đơn, ngoài lời trình bày của nguyên đơn là giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận thời gian trả

nợ là ngày 04/01/2023 thì nguyên đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ nào để chứng minh nên không có cơ sở xác định thời gian bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 04/01/2023. Việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm trả là phù hợp với quy định của pháp luật, nhưng cần điều chỉnh lại thời gian tính lãi chậm trả là từ ngày Tòa án nhận được đơn khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ngày 08/10/2025 là thời điểm đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn. Nên buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc 900.000.000 đồng, tính từ ngày 08/10/2025 đến ngày 02/7/2026 với số tiền lãi là 900.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 08 tháng 24 ngày = 65.736.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Trần Hoài T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 965.736.000 đồng, (gồm: vốn vay là 900.000.000 đồng, tiền lãi là 65.736.000 đồng). Không chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc buộc bị đơn anh Trần Hoài T trả lãi của số tiền vốn 900.000.000 đồng tính từ ngày 04/02/2023 đến ngày 07/10/2025.

[7] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chịu tiền án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là số tiền lãi tính từ ngày 04/02/2023 đến ngày 07/10/2025 nên số tiền án phí nguyên đơn phải chịu là $(298.800.000 \text{ đồng} - 65.736.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 11.653.200 \text{ đồng}$, bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 965.736.000 đồng là $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (965.736.000 \text{ đồng} - 800.000.000 \text{ đồng}) = 40.972.080 \text{ đồng}$.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đồng Tháp phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

- Buộc bị đơn anh Trần Hoài T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 965.736.000 (Chín trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi

sáu nghìn) đồng, (gồm: vốn vay là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, tiền lãi là 65.736.000 (Sáu mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn) đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu trả lãi của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc buộc bị đơn anh Trần Hoài T trả lãi của số tiền vốn 900.000.000 đồng tính từ ngày 04/02/2023 đến ngày 07/10/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Bị đơn anh Trần Hoài T phải chịu 40.972.080 (Bốn mươi triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn không trăm tám mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 11.653.200 (Mười một triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn hai trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 23.197.650 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0011107 ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Nên hoàn lại bà H số tiền 11.544.450 (Mười một triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 5 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Thị Kim Thoa

